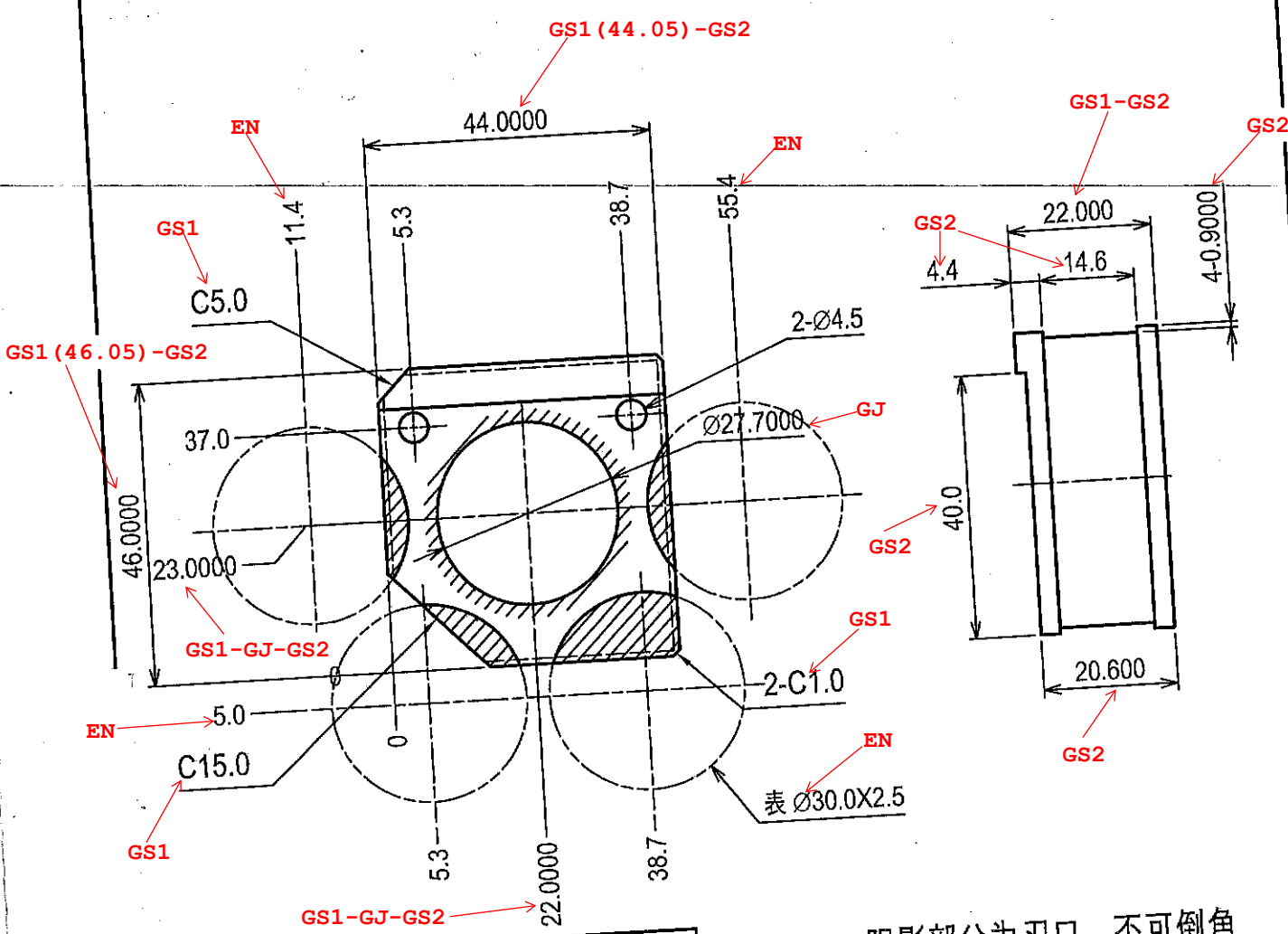


12/30.

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.
1	2016/10/10	新规设计		Luo_Bin	Ye_Chang_Jing

CUTTING TOLERANCE			
0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
0.000	±0.005	0.000 -0	-0
0.00	±0.01	0.00 +0	+0
0.0	±0.1	0.00 -0	-0
0.	±0.2	0.0 +0	+0
		0.0 -0	-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			
<div style="display: flex; justify-content: space-around;"> G WE </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> </div>			



阴影部分为刃口，不可倒角

70/
140/
300/
100

DSGND.		CHKD.		TITLE		PARTS NAME	
Luo_Bin		Ye_Chang_Jing		部品图		ダイ	
QUENCH&TEMPER		SURFACE		PART DRAWING		DIE	
HRC 0°~0°				部品图		下模	
MATERIAL		DATE		SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)		2016/10/10		1:1		R066494	
						MABUCHI MOTOR CO.,LTD.	
						414.110 0535	

BTP R066494 (TLC = 2P)

SNO: **R066494**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP :R066494	GS1:120 GJ:250 GS2:250 EN:120 KT